

Số: 30/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự (sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2019/NĐ-CP) về phân loại tài sản cần định giá, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản; tiếp nhận và triển khai yêu cầu định giá tài sản; thành lập Hội đồng định giá tài sản; quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản, Tổ giúp việc Hội đồng định giá tài sản; căn cứ định giá tài sản; lập kế hoạch định giá tài sản; khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; yêu cầu khi áp dụng phương pháp định giá tài sản; chi phí định giá, định giá lại tài sản trong tổ tụng hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Hội đồng định giá tài sản; thành viên Hội đồng định giá tài sản (sau đây gọi tắt là Hội đồng định giá, thành viên Hội đồng); cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3: Phân loại tài sản cần định giá

1. Đối với vụ án có nhiều tài sản khác nhau, trước khi gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản tới Hội đồng định giá theo vụ việc cấp bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm rà soát, phân loại tài sản để yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ thành lập Hội đồng định giá phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được giao.

2. Tài sản có thể phân loại được để tách riêng thực hiện định giá đối với từng nhóm tài sản là những tài sản độc lập về mặt vật lý, tính năng sử dụng, không bị phụ thuộc, ảnh hưởng lẫn nhau về mặt giá trị và chức năng sử dụng, không bị thay đổi về mặt giá trị sau khi phân loại.

Điều 4. Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản phải cung cấp kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản bao gồm:

a) Tài liệu thể hiện đặc điểm pháp lý, kinh tế-kỹ thuật của tài sản cần định giá:

Đối với bất động sản bao gồm: Trích lục Bản đồ quy hoạch chi tiết khu vực (nếu có); Bản đồ quy hoạch 1:500 đối với tài sản là các dự án bất động sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hoặc một trong các loại giấy chứng nhận nguồn gốc bất động sản trong trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (như Quyết định giao, cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Quyết định phân nhà, phân đất của thủ trưởng cơ

quan đơn vị; hợp đồng mua nhà của các đơn vị có tư cách pháp nhân được cơ quan có thẩm quyền giao đất làm nhà bán; các giấy tờ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền của chế độ cũ đã cấp), trường hợp chủ bất động sản có các giấy tờ kê trên nhưng không đúng tên chủ đang sử dụng thì phải có các giấy tờ kèm theo chứng minh như giấy tờ mua bán nhà, giấy tờ thừa kế, chia, tặng bất động sản đó; giấy phép xây dựng, bản vẽ thiết kế xây dựng, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng và các tài liệu liên quan đến sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp (nếu có), sơ đồ vị trí bất động sản và các bản vẽ khác; các hợp đồng mua, bán và cho thuê bất động sản; ảnh chụp mô tả về bất động sản; Giấy chứng nhận đầu tư; những tài liệu khác thể hiện tính pháp lý của bất động sản.

Đối với vật tư, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác bao gồm: Các hợp đồng mua, bán; hóa đơn mua, bán; tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; những tài liệu khác thể hiện tính pháp lý, đặc điểm kinh tế-kỹ thuật của tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.

b) Tài liệu thể hiện thông tin về thân nhân người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị can, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản cần định giá để phục vụ việc rà soát thành phần Hội đồng định giá đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

c) Chứng cứ thu thập được (vật chứng, lời khai, lời trình bày, dữ liệu điện tử và các tài liệu, đồ vật khác) có liên quan, phục vụ cho việc định giá tài sản cần định giá (nếu có);

d) Biên bản giám định tình trạng kinh tế kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm cần định giá (nếu có);

đ) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến yêu cầu định giá tài sản.

2. Trường hợp yêu cầu định giá lại tài sản, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp cung cấp cho Hội đồng định giá các tài liệu, hồ sơ của các lần định giá trước đó và kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể căn cứ, lý do nghi ngờ kết quả định giá, định giá lại tài sản.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản khi nhận được yêu cầu của Hội đồng định giá trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. Trường hợp không thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu trong thời hạn trên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có văn bản nêu rõ lý do gửi Hội đồng định giá biết, đồng thời thống nhất điều chỉnh thời gian định giá tài sản cho phù hợp.

4. Tất cả hồ sơ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp cho Hội đồng định giá là bản chính hoặc bản sao đóng dấu giáp lai của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Điều 5. Tiếp nhận và triển khai yêu cầu định giá tài sản

1. Khi nhận được yêu cầu định giá, cơ quan được yêu cầu định giá tiến hành rà soát ngay hồ sơ, tài liệu để xác định rõ yêu cầu định giá, các thông tin cần thiết liên quan đến tài sản yêu cầu định giá và thời gian trả kết quả định giá; trên cơ sở đó, có văn bản trao đổi lại ngay với cơ quan yêu cầu định giá về những nội dung chưa rõ trong văn bản và hồ sơ, tài liệu yêu cầu định giá (nếu cần thiết). Trường hợp từ chối thành lập Hội đồng định giá, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu định giá, cơ quan nhận được yêu cầu định giá phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

Đối với tài sản định giá là bất động sản, dự án bất động sản, cơ quan được yêu cầu định giá phải rà soát và trao đổi với cơ quan yêu cầu định giá làm rõ các thời điểm định giá gắn với quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị (nếu có).

2. Thời gian tiếp nhận yêu cầu định giá tính từ thời điểm cơ quan được yêu cầu định giá nhận được văn bản yêu cầu định giá tài sản kèm theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp không đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu định giá, cơ quan được yêu cầu định giá có văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu cần thiết. Trong trường hợp này, thời gian tiếp nhận yêu cầu định giá tính từ thời điểm cơ quan được yêu cầu định giá nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu bổ sung.

Điều 6. Thành lập Hội đồng định giá tài sản

1. Việc thành lập Hội đồng định giá phải đảm bảo đúng thời hạn, không để ảnh hưởng đến tiến độ định giá tài sản theo yêu cầu. Các cơ quan, đơn vị liên quan được yêu cầu cử người tham gia làm thành viên Hội đồng kịp thời có văn bản cử người tham gia Hội đồng định giá theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thành lập Hội đồng định giá, bảo đảm tiến độ, thời hạn trong văn bản yêu cầu cử người và chịu trách nhiệm nếu chậm trễ làm ảnh hưởng chung đến tiến độ định giá của Hội đồng định giá.

2. Đối với việc thành lập Hội đồng định giá có thành viên Hội đồng là đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì thành lập Hội đồng định giá gửi văn bản yêu cầu cử người đến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, trong đó nêu rõ thời hạn cử người. Khi hết thời hạn yêu cầu cử người ghi trên văn bản mà chưa nhận được văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thì bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì thành lập Hội đồng định giá được quyền ban hành quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thành lập Hội đồng định giá, trong quyết định ghi theo nguyên tắc là tên bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và tên đại diện cá nhân cụ thể được thực hiện theo văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ đó; bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan có trách nhiệm hoàn thành việc cử người làm thành viên Hội đồng khi nhận được

quyết định thành lập Hội đồng định giá để đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ định giá tài sản theo yêu cầu. Văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan được coi là một phần của Quyết định thành lập Hội đồng định giá.

3. Căn cứ tình hình tiếp nhận yêu cầu định giá tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh thành lập Hội đồng định giá thường xuyên để tiếp nhận các yêu cầu định giá đảm bảo thuận lợi cho việc tổ chức triển khai công việc khi phát sinh; đơn giản hóa việc trình thành lập Hội đồng định giá. Việc thành lập Hội đồng định giá thường xuyên cấp huyện và cấp tỉnh được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau đây:

a. Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính cùng cấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên; thành phần của Hội đồng định giá theo quy định tại Điều 7 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

b. Căn cứ vào tình hình thực tế, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh thành lập Hội đồng định giá thường xuyên gồm Chủ tịch Hội đồng định giá, thành viên thường trực của Hội đồng định giá là nhân sự cụ thể và các thành viên còn lại được quy định tên nhân sự cụ thể (nếu có) hoặc theo nguyên tắc dự kiến về số lượng, thành phần cơ quan chuyên môn có liên quan; đồng thời ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng định giá quyết định bằng văn bản danh sách cụ thể các thành viên còn lại trong Hội đồng định giá phù hợp với từng vụ việc cụ thể.

Việc ủy quyền phải được quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên. Chủ tịch Hội đồng định giá phải thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân về danh sách thành viên cụ thể của Hội đồng định giá trong từng vụ việc cụ thể.

c. Trong quá trình thực hiện định giá, Chủ tịch Hội đồng định giá phải kịp thời trình Ủy ban nhân dân có quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng khi có thay đổi về nhân sự (nghỉ hưu theo chế độ, luân chuyển công tác...) để đảm bảo hoạt động liên tục của Hội đồng định giá.

4. Việc lựa chọn danh sách thành viên Hội đồng trong từng vụ việc cụ thể phải phù hợp với yêu cầu định giá tài sản và không thuộc các trường hợp không được tham gia định giá tài sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá, Tổ giúp việc Hội đồng định giá

1. Chủ tịch Hội đồng định giá và thành viên Hội đồng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

2. Căn cứ tính chất vụ việc định giá tài sản, Chủ tịch Hội đồng định giá quyết định số lần tổ chức phiên họp định giá tài sản và phân công công việc cho các thành viên Hội đồng, Tổ giúp việc Hội đồng định giá (sau đây gọi tắt là Tổ giúp việc) (nếu có) chuẩn bị các báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn

phục vụ phiên họp Hội đồng định giá và các công việc khác của Hội đồng định giá.

3. Quyền và nghĩa vụ của Tổ giúp việc Hội đồng định giá:

a) Xây dựng báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn phục vụ phiên họp Hội đồng định giá, các công việc liên quan khác của Hội đồng định giá theo phân công.

b) Xây dựng chương trình và nội dung tổ chức phiên họp theo phân công của Chủ tịch Hội đồng định giá. Thực hiện công tác văn phòng, điều kiện vật chất, văn phòng phẩm phục vụ cho phiên họp Hội đồng định giá và các công tác khác phục vụ phiên họp Hội đồng định giá.

c) Tổ trưởng Tổ giúp việc chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá và Hội đồng định giá; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Tổ giúp việc; điều hành chung hoạt động của Tổ giúp việc.

d) Thành viên Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ do Tổ trưởng Tổ giúp việc phân công và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ giúp việc.

Điều 8. Căn cứ định giá tài sản

1. Việc định giá tài sản phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ định giá tài sản quy định tại Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Đối với căn cứ định giá tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP, trường hợp có từ 02 căn cứ trở lên, Hội đồng định giá tùy theo tính chất, đặc điểm tài sản cần định giá và tình hình thông tin thu thập được liên quan đến tài sản để xác định thứ tự ưu tiên của các căn cứ định giá tài sản.

2. Căn cứ định giá tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP được xác định như sau:

a) Giá thị trường của tài sản là giá giao dịch phổ biến trên thị trường của loại tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự với tài sản cần định giá tại thời điểm định giá và địa điểm định giá được yêu cầu định giá.

Giao dịch phổ biến trên thị trường là hoạt động mua, bán tài sản được tiến hành hợp pháp và công khai trên thị trường. Một tài sản được coi là có giao dịch phổ biến khi có ít nhất 03 tài sản tương tự có giao dịch mua, bán trên thị trường. Mức giá giao dịch phổ biến được thu thập là giá mua, bán thực tế của giao dịch thành công; giá niêm yết của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; giá chào bán, giá chào mua; giá kê khai; giá trúng thầu; giá ghi trên hóa đơn, hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ...

b) Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc quyết định đang có hiệu lực áp dụng tại thời điểm được yêu cầu định giá. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá thì áp dụng mức

giá cụ thể do cơ quan hoặc đơn vị sản xuất kinh doanh quy định tại thời điểm được yêu cầu định giá;

c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp là giá được xác định theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá còn hiệu lực đối với tài sản được thẩm định giá;

d) Giá trong tài liệu, hồ sơ hợp pháp về loại tài sản đó do các cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan yêu cầu định giá cung cấp;

đ) Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá là những thông tin, tài liệu giúp xác định giá của tài sản cần định giá, như mức độ sử dụng tốt nhất có khả năng mang lại giá trị cao nhất, hiệu quả nhất của tài sản; quan hệ cung cầu về tài sản; ý kiến đánh giá về giá trị của tài sản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức, cá nhân có kiến thức, hiểu biết về tài sản; lời khai và hồ sơ tài liệu của các bên liên quan đến tài sản; giá của tài sản tương tự với tài sản cần định giá trong vụ án khác và đã được Hội đồng định giá thực hiện định giá trước đó; giá của tài sản tương tự với tài sản cần định giá thu thập được trên các trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức trong khu vực và trên thế giới khi Hội đồng định giá tiến hành mở rộng thu thập giá tại khu vực và thế giới.

3. Căn cứ định giá tài sản là hàng cấm thực hiện theo các quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

a) Đối với việc xác định giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này.

b) Đối với việc xác định giá thị trường trong khu vực hoặc thế giới của hàng cấm quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP là giá do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước sở tại được phép thông báo, cung cấp thông tin hoặc công bố công khai trên các trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức này theo quy định của pháp luật nước sở tại.

4. Các mức giá từ các nguồn thông tin quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được ưu tiên xác định tại thời điểm và tại địa điểm của tài sản được yêu cầu định giá theo yêu cầu định giá của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

a) Trường hợp tại thời điểm được yêu cầu định giá không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự thì áp dụng tại thời điểm gần thời điểm được yêu cầu định giá nhưng không quá 02 năm (24 tháng) tính đến thời điểm được yêu cầu định giá. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm ghi rõ thời điểm yêu cầu định giá tại văn bản yêu cầu định giá;

b) Trường hợp tại địa điểm được yêu cầu định giá không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự thì mở rộng phạm vi thu

thập thông tin về giá theo nguyên tắc lựa chọn thu thập tại các địa điểm từ gần đến xa và có đặc điểm thị trường tương tự với địa điểm được yêu cầu định giá. Trường hợp không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự trong lãnh thổ Việt Nam, thì mở rộng việc thu thập giá tại khu vực và thế giới trên các trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức sản xuất, kinh doanh tại khu vực và thế giới.

c) Khi thu thập các mức giá trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều này, các mức giá đó cần được điều chỉnh về thời điểm và địa điểm được yêu cầu định giá căn cứ theo phương pháp định giá tài sản do Hội đồng định giá quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 9. Lập kế hoạch định giá tài sản

1. Trước khi tiến hành định giá tài sản, Hội đồng định giá tiến hành lập kế hoạch định giá tài sản gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Xác định nội dung yêu cầu định giá tài sản.

b) Xác định các chính sách, văn bản pháp luật, phương pháp định giá áp dụng cho việc định giá tài sản.

c) Xác định dữ liệu, thông tin cần thiết cho việc định giá tài sản, xác định các tài liệu đã có sẵn, các tài liệu còn thiếu cần yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng bổ sung, các tài liệu cần khảo sát, thu thập phục vụ cho việc định giá tài sản.

d) Xác định thời hạn cần thiết cho việc định giá tài sản, xác định trình tự thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc định giá tài sản và tiến độ thực hiện.

đ) Lập phương án phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Hội đồng, Tổ giúp việc (nếu có).

e) Xác định nội dung công việc cần thuê doanh nghiệp thẩm định giá, thuê tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm tư vấn về giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật và các nội dung liên quan phục vụ việc định giá tài sản (nếu cần thiết).

g) Lập dự toán chi phí định giá tài sản theo quy định.

h) Lập chương trình, kế hoạch tổ chức các cuộc họp của Hội đồng định giá và các nội dung khác (nếu có).

2. Chủ tịch Hội đồng định giá phê duyệt kế hoạch định giá tài sản. Trong quá trình triển khai thực hiện, Chủ tịch Hội đồng định giá phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phù hợp thực tiễn phát sinh (nếu cần thiết).

Điều 10. Khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá

1. Việc khảo sát giá, khảo sát thực tế hiện trạng và thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá được thực hiện theo các quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP và khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

2. Trường hợp thực hiện khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, bán lẻ của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP được tiến hành như sau:

a) Tùy theo đặc điểm và điều kiện lưu thông trên thị trường của từng loại tài sản, Hội đồng định giá hoặc Tổ giúp việc (nếu có) tiến hành khảo sát giá trực tiếp trên thị trường; trên các trang thông tin điện tử do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng là tài sản đang cần định giá cung cấp qua mạng Internet theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với tài sản là hàng cấm, khi Hội đồng định giá lựa chọn hình thức khảo sát giá trên thị trường không chính thức (nếu có), Hội đồng định giá tiến hành khảo sát tại nơi tài sản là hàng cấm được yêu cầu định giá hoặc tại địa điểm khác có diễn ra giao dịch mua bán hàng cấm. Trường hợp khai thác thông tin trên các trang thông tin điện tử trong khu vực và trên thế giới, giá của hàng cấm được xác định theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

b) Việc thu thập các mức giá được thực hiện bằng Phiếu khảo sát giá. Phiếu khảo sát giá do thành viên Hội đồng định giá lập hoặc giao thành viên Tổ giúp việc (nếu có) lập và phải có các nội dung chính như sau:

- Tên tài sản được khảo sát, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cơ bản của tài sản được khảo sát;

- Loại tài sản: Hàng hóa thông thường; hàng cấm; ...

- Địa điểm tiến hành khảo sát (xã/phường, huyện, tỉnh); đối tượng khảo sát;

- Thời điểm và cách thức tiến hành khảo sát (khảo sát trực tiếp/khảo sát qua mạng Internet, gọi điện, ...);

- Kết quả khảo sát giá: các mức giá khảo sát (giá bán buôn, giá bán lẻ...), điều kiện giao hàng, khuyến mãi, chiết khấu... (nếu có); đơn vị tính giá (đồng/kg, đồng/cái...); loại giá (chào mua, chào bán, giá niêm yết, giá ghi trên hợp đồng, hóa đơn...).

- Họ tên và chữ ký của người khảo sát;

- Các hạn chế, khó khăn, vướng mắc (nếu có).

c) Mức giá thu thập có thể là giá bán buôn hoặc giá bán lẻ hoặc cả giá bán buôn và giá bán lẻ của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự.

d) Việc khảo sát được tiến hành như sau:

d1) Xây dựng nội dung khảo sát:

- Xác định đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế-kỹ thuật chủ yếu của tài sản cần định giá; xác định tình trạng của tài sản cần định giá (chưa qua sử dụng; đã qua sử dụng; bị hủy hoại, hư hỏng một phần; bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ nhưng vẫn có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng; bị mất, thất lạc; bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng; hàng giả; không

mua bán phổ biến trên thị trường); đặc tính tài sản như kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị văn hóa, tôn giáo, khảo cổ, kiến trúc, lịch sử...; tài sản là hàng cấm...

Trường hợp tài sản bị hủy hoại, hư hỏng, bị mất, thất lạc, Hội đồng định giá có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ tụng thực hiện xác nhận lại tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng, bị mất, thất lạc và các hạng mục của tài sản trước khi tiến hành định giá.

Đối với tài sản là hàng cấm, Hội đồng định giá đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng phối hợp, thống nhất xác định địa điểm và đối tượng khảo sát, thu thập thông tin về mức giá tài sản trên thị trường không chính thức.

- Xác định địa điểm nơi tài sản được yêu cầu định giá: đơn vị hành chính cấp huyện và cấp tỉnh; lựa chọn đối tác khảo sát (cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh; chuyên gia có kiến thức, hiểu biết về tài sản cần định giá; các đại lý, cửa hàng, trung tâm thương mại...);

- Xác định thời điểm tài sản được yêu cầu định giá và thời điểm tiến hành khảo sát giá;

- Xác định cách thức khảo sát giá: trực tiếp trên thị trường chính thức hoặc không chính thức; trên các trang thông tin điện tử qua mạng Internet...

d2) Thực hiện khảo sát giá, thu thập các mức giá của tài sản:

- Tiến hành khảo sát giá theo các nội dung đã xác định. Đối với tài sản là hàng cấm, trường hợp cần thiết, Hội đồng định giá đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng cử đại diện cùng thực hiện khảo sát giá.

- Việc khảo sát, thu thập các mức giá phải được thực hiện ít nhất là 03 phiếu khảo sát cho mỗi một tài sản yêu cầu định giá theo những nội dung được xác định. Trường hợp không thu thập đủ 03 phiếu khảo sát, tại báo cáo kết quả khảo sát giá phải nêu rõ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện khảo sát giá; ảnh hưởng của những khó khăn, vướng mắc này đối với việc định giá tài sản và kết quả định giá tài sản (nếu có).

- Đối với việc thu thập thông tin trong quá khứ, nhất là các thông tin giao dịch của các tài sản so sánh, thông tin hiện trạng của tài sản cần định giá, hồ sơ tài sản qua các năm phải được rà soát làm rõ, chính xác để tạo thuận lợi cho hoạt động định giá tài sản.

- Việc thu thập các mức giá phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

d3) Căn cứ vào các thông tin thu thập trên, tổng hợp số liệu thu thập được, làm văn bản báo cáo Hội đồng định giá.

3. Kết quả khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá được sử dụng để Hội đồng định giá xác định phương pháp định giá tài sản theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Điều 11. Yêu cầu khi áp dụng phương pháp định giá

1. Tài sản chưa qua sử dụng được xác định theo giá của tài sản giống hệt mới hoặc tài sản tương tự mới theo hướng có điều chỉnh để phù hợp với hiện trạng của tài sản cần định giá tại thời điểm cần định giá.

2. Trường hợp sử dụng từ 02 phương pháp định giá tài sản trở lên, Hội đồng định giá cần đánh giá, phân tích, tính toán hoặc lựa chọn để đi đến kết luận cuối cùng về mức giá của tài sản cần định giá.

Điều 12. Chi phí định giá, định giá lại tài sản

1. Chi phí định giá, định giá lại tài sản; thủ tục tạm ứng và thanh toán chi phí định giá, định giá lại tài sản được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chi phí giám định, định giá trong tố tụng; nghị định số 30/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Việc thuê tổ chức giám định, doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng định giá có trách nhiệm lập dự toán kinh phí cho các hoạt động định giá tài sản của Hội đồng định giá theo kế hoạch đã được phê duyệt quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Trong một số trường hợp cụ thể quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, mức chi cho một số hoạt động thường xuyên của Hội đồng định giá được áp dụng thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành như sau:

a) Chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b) Chi khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

c) Chi báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn phục vụ công tác định giá tài sản của Hội đồng định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 338/2016/TT-BTC), mức chi 800.000 đồng/báo cáo.

d) Chi họp Hội đồng định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

e) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu phục vụ công tác định giá tài sản thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về chi thường xuyên.

g) Chi sử dụng dịch vụ, vật tư tiêu hao và các chi phí khác liên quan phục vụ trực tiếp cho công việc thực hiện định giá phù hợp với tính chất, nội dung từng vụ việc trong các lĩnh vực cụ thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

h) Thủ tục tạm ứng, thanh toán thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ (nếu có) của cơ quan thành lập Hội đồng định giá, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng định giá và quy định pháp luật hiện hành.

i) Đối với những khoản chi cho hoạt động định giá tài sản đã được chi hỗ trợ từ cơ quan thành lập Hội đồng định giá, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng định giá thì không được thanh toán từ cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

4. Trường hợp Hội đồng định giá đang triển khai các hoạt động định giá tài sản nhưng phải dừng lại theo quyết định, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc không kết luận được giá tài sản, phải từ chối thực hiện định giá theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP; Hội đồng định giá được phép thanh toán, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và Thông tư này trên cơ sở chứng từ chi hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020. Thay thế cho Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

2. Trường hợp những vụ việc do Hội đồng định giá các cấp đang tiến hành định giá theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BTC đến khi Thông tư này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLG. *1106*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

Phụ lục số 01

MÁU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính)

**TÊN CƠ QUAN
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản yêu cầu định giá tài sản của tại Công văn số..... ngày..... về việc định giá tài sản.....;

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự..... gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông/Bà, Chức vụ hiện tại - Chủ tịch Hội đồng;

2. Ông/Bà, Chức vụ hiện tại - Thành viên Thường trực Hội đồng;

3. Ông/Bà, Chức vụ hiện tại - Thành viên Hội đồng;

.....

Điều 2. Hội đồng định giá tài sản quy định tại Điều 1 có nhiệm vụ tiến hành thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật và được sử dụng con dấu của¹ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng định giá tài sản tại Điều 1 thực hiện định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng định giá tài sản quy định tại Điều 1 chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định này; quyền, nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên trong Hội đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự; Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan khác.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.²..... và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng hoặc Chủ tịch Hội đồng

² Các đơn vị liên quan

Phụ lục số 02

MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:...../BB-HĐĐGTS

....., ngàytháng năm

BIÊN BẢN HỌP

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP;

Căn cứ số ngày của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản;

Căn cứ

Theo đề nghị tại văn bản yêu cầu định giá số.....ngày.....của.....;

Hội đồng định giá tài sản (sau đây gọi là Hội đồng) đã tiến hành họp bàn về, cụ thể:.....

I. THÀNH PHẦN DỰ HỌP

1. Hội đồng định giá tài sản có mặt gồm các thành viên sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh Hội đồng, Chức vụ & Đơn vị công tác |
|----|-----------|---|
| | | |
| | | |

2. Thành viên vắng mặt tại cuộc họp:

| TT | Họ và tên | Chức danh Hội đồng, Chức vụ & Đơn vị công tác |
|----|-----------|---|
| | | |
| | | |

3. Tham dự cuộc họp còn có các thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định giá (nếu có).

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

Ông/Bà- Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp định giá tài sản.

1. Báo cáo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản

.....

2. Ý kiến của thành viên Hội đồng định giá tài sản

.....

III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN**1. Kết quả định giá tài sản**

... % thành viên Hội đồng định giá (.../...) biểu quyết thông qua giá của tài sản như sau:

| TT | Tên tài sản cần định giá | Thời điểm định giá | Kết luận về giá tài sản của Hội đồng |
|----|--------------------------|--------------------|--------------------------------------|
| | Tài sản 1 | | |
| | Tài sản 2 | | |
| | ... | | |

2. Ý kiến khác của thành viên Hội đồng định giá tài sản (nếu có)

.....

Biên bản này đã được các thành viên trong Hội đồng định giá tài sản biểu quyết thông qua vào hồi giờ ngày/...../..... tại (địa chỉ:) và được lập thành bản (01 bản gửi đơn vị đề nghị/ yêu cầu thẩm định giá và 02 bản lưu Hội đồng thẩm định giá...) có giá trị pháp lý như nhau./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Chữ ký, họ tên)

THÀNH VIÊN

.....

THÀNH VIÊN

.....

(Họ tên, chữ ký của toàn bộ thành viên Hội đồng thẩm định giá)

Phụ lục số 03

**MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH VỀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
TÀI SẢN ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020
của Bộ Tài chính)*

TÊN CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH
Về việc xác định giá trị tài sản định giá

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản số ngày
..... của

Căn cứ văn bản yêu cầu định giá tài sản tại Công văn số..... ngày.....
của về việc định giá tài sản.....;

Căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản do cơ quan
yêu cầu định giá tài sản cung cấp;

Căn cứ kết quả khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần
định giá do Hội đồng định giá tài sản thực hiện;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giá số.....ngày..... và Chứng thư thẩm
định giá số..... ngày.... của Công ty Thẩm định giá..... cung cấp (nếu có);

Căn cứ

Trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan, Hội đồng định giá tài sản
báo cáo việc xác định giá trị tài sản cần định giá như sau:

1. Thông tin tổng quan về tài sản cần định giá

- Tên tài sản cần định giá:.....
- Thời điểm định giá:.....
- Cơ sở giá trị:.....
- Đặc điểm của tài sản cần định giá tại thời điểm định giá:
 - + Tình trạng pháp lý:.....
 - + Vị trí của tài sản:.....
 - + Mô tả hiện trạng:.....

2. Xác định giá trị tài sản cần định giá

- Về căn cứ pháp luật định giá tài sản;

- Thông tin về thị trường của tài sản định giá;
- Phương pháp xác định giá tài sản;
- Các nội dung khác liên quan đến định giá tài sản (nếu có)

(Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm định giá tài sản, giám định tình trạng kinh tế kỹ thuật Hội đồng định giá thực hiện đánh giá các nội dung sau: Hình thức Báo cáo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn, căn cứ pháp luật, quy trình định giá, phương pháp định giá, kết quả thẩm định giá đơn vị tư vấn đưa ra.)

2. Kết quả định giá tài sản:

.....

3. Các tài liệu kèm theo: Các tài liệu, thông tin liên quan đến việc định giá tài sản.

Báo cáo này được lập thành bản (02 bản lưu trong Hồ sơ định giá tài sản của Hội đồng định giá, 01 bản gửi Cơ quan yêu cầu định giá tài sản,...).

THÀNH VIÊN BÁO CÁO³

(Chữ ký, họ tên)

³ Thành viên báo cáo do Chủ tịch Hội đồng phân công thực hiện. Trường hợp phân công nhiều hơn 01 người thực hiện báo cáo thì các thành viên tham gia báo cáo đều phải ký tên.

Phụ lục số 04

MẪU KẾT LUẬN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:/KL-HĐDGTS

....., ngày tháng năm

KẾT LUẬN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Kính gửi:

Theo đề nghị/ yêu cầu của tại Công văn số..... ngày..... về việc định giá tài sản.....,

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản số ngày của

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng định giá tài sản số ngày

Các căn cứ khác (nếu có),

Hội đồng định giá tài sản có văn bản trả lời kết quả định giá tài sản..... như sau:

1. Cơ quan tiến hành tổ tụng yêu cầu định giá tài sản:

Ngày nhận yêu cầu định giá tài sản:.....

2. Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu:; bao gồm: *Họ tên và chức danh của Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng;*

3. Tài sản cần định giá:

a. Tên tài sản cần định giá:.....

b. Thông tin, tài liệu có liên quan đến tài sản cần định giá:

- Biên bản họp định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản số.....ngày..... liên quan đến yêu cầu định giá tài sản số ngày..... của cơ quan.....

- Báo cáo số ngày....thuyết minh, giải trình về việc xác định giá trị tài sản định giá

- Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn đối với tài sản cần định giá (nếu có).

- Các thông tin, tài liệu liên quan khác (nếu có).

4. Kết luận về giá của tài sản

| T | Tên tài sản cần định giá | Thời điểm định giá | Kết luận về giá tài sản của Hội đồng |
|----------|---------------------------------|---------------------------|---|
| | Tài sản 1 | | |
| | Tài sản 2 | | |
| | ... | | |

Kết luận này được lập thành bản (02 bản lưu trong Hồ sơ định giá tài sản của Hội đồng định giá, 01 bản gửi Cơ quan yêu cầu định giá tài sản,...).

Hội đồng định giá tài sản..... trả lời..... theo quy định của pháp luật hiện hành.

...../.....thành viên Hội đồng định giá tài sản thống nhất ký tên dưới đây./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký, họ tên)